

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2018

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hai

2. Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh- Thư ký TAND TP.B.

- Đại diện VKSND thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế

Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2604/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

HKTT: Tổ 4, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Bùi Phan Giang Đông C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Bùi Phan Giang Đông C tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, đăng ký kết hôn năm 2014. Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ. Nay bà xét thấy không còn tình cảm nên bà làm đơn xin ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 cháu Bùi Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 12/9/2014, hiện tại bà đang nuôi con, ly hôn bà xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp, ông C đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện không mong muốn hàn gắn đoàn tụ xét thấy tình cảm vợ chồng bà H và ông C không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H có căn cứ, con chung giao bà H nuôi, tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung do không có lời khai của bị đơn tách ra giải quyết khi có yêu cầu, án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2018 công an xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cung cấp ông Bùi Phan Giang Đông C vẫn còn đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ Tổ 4, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập hợp lệ cho ông Bùi Phan Giang Đông C về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Bùi Phan Giang Đông C biết nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 17/5/2018 bà H gửi đơn xin vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1 thành phố B, tỉnh Đồng Nai số 98/2014 quyền số 01/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà H thì bà và ông C chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và sống ly thân nhau, xét thấy tình cảm không còn nên bà tha thiết xin được ly hôn với ông C để bà ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông C đã thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, bà H và ông C đã sống ly thân nhau theo biên bản xác minh địa phương ngày 11/01/2018, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ ông C biết nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông C là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 cháu Bùi Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 12/9/2014, hiện tại bà H đang nuôi con, ly hôn bà H xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con của bà H phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 12/9/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do không có lời khai ông C nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà H khai không có, do không có lời khai ông C nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà H phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Bùi Phan Giang Đông C.

Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Hạnh N, sinh ngày 12/9/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Bùi Phan Giang Đông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Bùi Phan Giang Đông C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Phan Giang Đông C được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP B, biên lai số 003578 ngày 29/11/2017. Bà H đã nộp xong án phí HNGĐ-ST.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.B (2);
- THA dân sự TP.B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường A 1, TP.B (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Hoàng Thị Thu Minh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP Biên Hòa.(2)
- THA dân sự TP Biên Hòa.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND P. Bửu Hòa (1)

Hoàng Thị Thu Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP Biên Hòa.(2)
- THA dân sự TP Biên Hòa.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)

Hoàng Thị Thu Minh